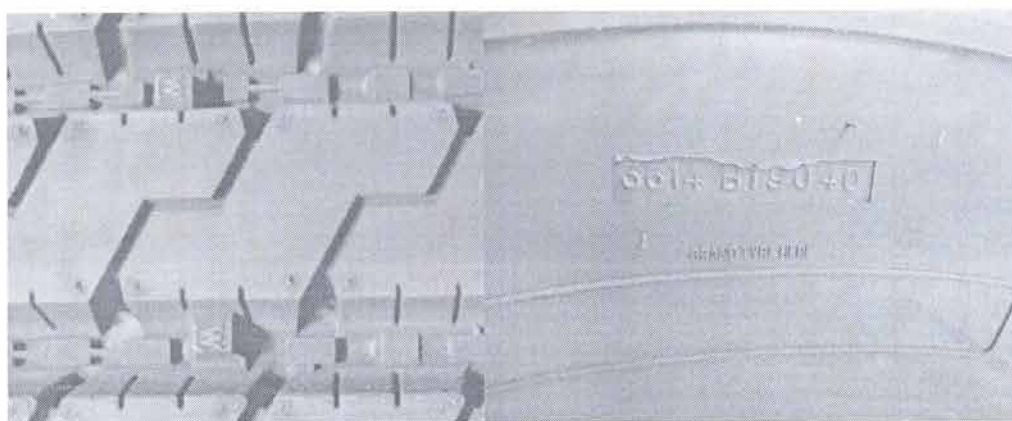


QUY ĐỊNH ĐỔI LỚP RADIAL TOÀN THẬP

***Nguyên tắc xem xét khiếu nại**


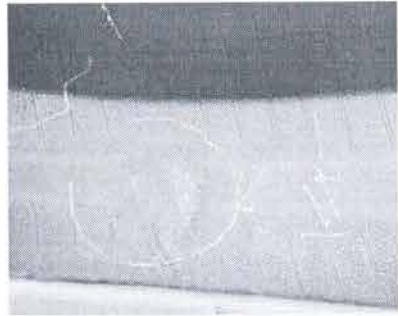
1- Căn cứ vào vạch bảo hành (W) – chữ W còn đọc được – không bị mất hay mờ.

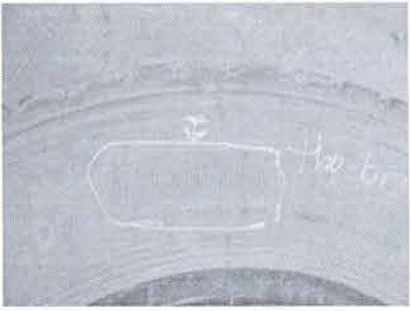
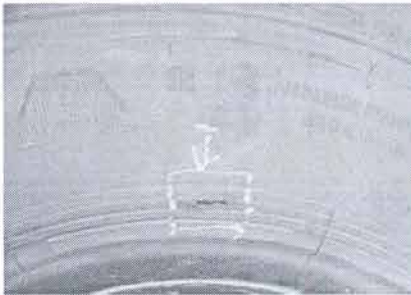
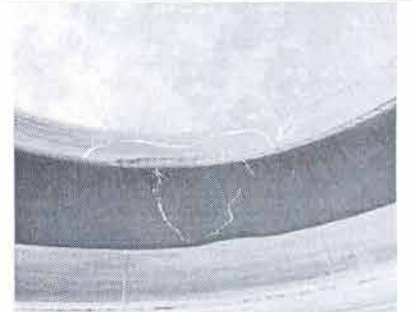

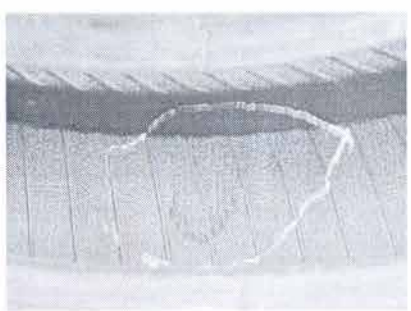
2- Căn cứ số lô sản xuất của lốp. Thời hạn xem xét là 5 năm kể từ ngày sản xuất (Hình minh họa)


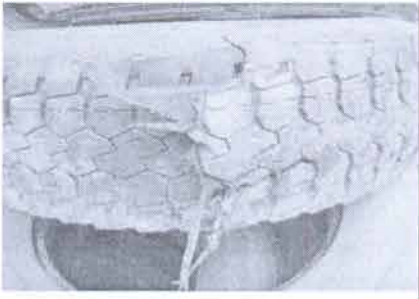


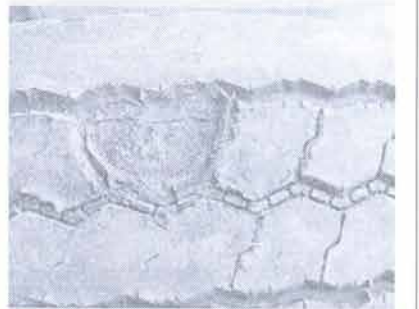


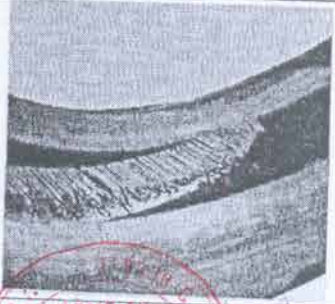
VẠCH BẢO HÀNH

SỐ LÔ NGÀY SẢN XUẤT

| STT | LOẠI KHUYẾT TẬT | DIỄN GIẢI | KẾT LUẬN | HÌNH MINH HỌA |
|-----|-------------------------------|---|-----------|---|
| 01 | Dộp đỉnh/hông/ Vai/gót lốp | Lốp có hiện tượng tách lớp, cảm giác mềm, phập phồng tại các vị trí đỉnh/ hông/ vai/ gót lốp. | Đổi |  |
| 02 | Cán đỉnh/ 1 lỗ và | Do bị ngoại vật nhọn đâm vào lốp (áp dụng cho cả lốp dung săm và không dung săm) | Không đổi |  |

| | | | | |
|----|----------------------------|---|-----------|---|
| 03 | Thay đổi tên quy cách | Sửa quy cách không đúng kết cấu của lớp theo tiêu chuẩn cho phép. | Không đổi |  |
| 04 | Nứt góc | Có vết nứt dọc chu vi góc lớp (không có dấu cấn cạ góc lớp do vành, đai) | Đổi |  |
| 05 | Bề góc/cấn góc | Góc lớp bị bề hoặc có dấu cấn cạ | Không đổi |  |
| 06 | Hông lớp lồi/lõm không đều | Các đường gân lồi /lõm hướng tâm lớp (Không có vết đâm trên mặt lớp song song với đường lồi /lõm của lớp) | Đổi |  |
| 07 | Lộ bố thép | Sợi bố thép bên trong long lớp bị lộ ra ngoài 1 phần (lớp không bị cấn đỉnh/vết cắt) | Đổi |  |

| | | | | |
|----|-----------------------|--|-----------|---|
| 08 | Gai mòn không đều | Bề mặt lốp có hiện tượng lồi /lõm, hoặc mòn ở giữa, hoặc mòn hai bên, hoặc mòn dạng long chim/ vảy cá. | Không đổi |  |
| 09 | Nổ do bị cần | Mặt lốp bị xé toác hoặc có hiện tượng bị đâm xuyên qua làm mặt lốp tách lớp (quan sát bên dưới khu vực nổ không có hiện tượng tách lớp cao su – bổ thép) | Không đổi |  |
| 10 | Gắn lốp không đồng bộ | Do gắn lốp không đồng bộ (sở PR – số quy cách- gai – nhà sản xuất – lốp mới cũ – dung sãm hay không dung sãm- cấu trúc lốp thép hay vải nylon..) | Không đổi |  |
| 11 | Mòn vết | Bề mặt lốp bị khuyết một vết sâu thủng mặt lốp | Không đổi |  |
| 12 | Bề gai cục bộ | Bề mặt lốp bị khuyết/tróc 1 hoặc nhiều mũi gai | Không đổi |  |

| | | | | |
|----|------------|--|-----------|---|
| 13 | Lớp mất áp | Chu vi lòng lớp có hiện tượng lộ các sợi bố thép – bên ngoài hông lớp có các vết nhăn- nứt do đập khi mất áp | Không đổi |  |
|----|------------|--|-----------|---|

Soạn thảo : Nguyễn Hồng lâm . Ngày:



KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PTGD. Nguyễn Đình Dũng

LỊCH SỬ THAY ĐỔI

| Ngày thay đổi | Lần thay đổi | Nội dung/Lý do thay đổi |
|---------------|--------------|-------------------------|
| 31.10.2014 | 0 | Ban hành mới |